

Số 19555-QĐ/HVCTQG

Hà Nội, ngày 9 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán
kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học
của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Căn cứ Quyết định số 145-QĐ/TW ngày 08/8/2018 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ban hành ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 6098/QĐ-HVCTQG ngày 15/12/2017 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về Quy chế Quản lý hoạt động khoa học của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN ngày 8/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về Hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý khoa học, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (Chi tiết tại Quy định kèm theo).

Điều 2. Căn cứ các nội dung của quy định này, các đơn vị và cá nhân liên quan có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học đảm bảo đúng mục đích, đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 5256/QĐ-HVCTQG ngày 01/12/2015 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc Quy định một số định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học có sử dụng ngân sách nhà nước. Chánh Văn phòng Học viện, Vụ trưởng Vụ Quản lý khoa học, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- Ban Giám đốc Học viện,
- Các đơn vị trực thuộc,
- Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch,
- Lưu: VT, QLKH.



Nguyễn Xuân Thắng

QUY ĐỊNH

Lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 19555 -QĐ/HVCTQG ngày 09/10/2023 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Học viện) có sử dụng ngân sách nhà nước; nhiệm vụ khoa học được quy định tại Điều 25, 26, 27 và 28 Nghị định số 08/2014/NĐ/CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ.

Các nhiệm vụ khoa học có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc nội dung triển khai của các chương trình khoa học theo các Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ trong từng giai đoạn được áp dụng quy định tại Quy định này và các quy định tài chính đặc thù (nếu có).

Các nguồn vốn khác ngoài ngân sách nhà nước huy động để thực hiện nhiệm vụ khoa học được thực hiện theo các định mức chi quy định hiện hành đối với các nguồn vốn đó; khuyến khích các đơn vị thực hiện theo quy định này.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các đơn vị trực thuộc Học viện, các Viện chuyên ngành và các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học có sử dụng ngân sách nhà nước của Học viện và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học

1. Các định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước quy định tại Quy định này là định mức tối đa áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học sử dụng ngân sách nhà nước của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; là cơ sở để thực hiện sự kiểm soát chi của Kho bạc Nhà nước, cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan tài chính và các cơ quan thanh tra, kiểm toán theo quy định.

2. Các định mức chi khác làm căn cứ để xây dựng dự toán của nhiệm vụ khoa học không quy định cụ thể tại Quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Nội dung nghiên cứu* trong nhiệm vụ là nội dung cần thực hiện, được trình bày trong thuyết minh nhiệm vụ để đạt được mục tiêu và sản phẩm của nhiệm vụ theo đặt hàng. Nội dung nghiên cứu bao gồm một hoặc nhiều công việc cần thực hiện.

2. *Chức danh thực hiện nhiệm vụ* là người trực tiếp thực hiện các nội dung nghiên cứu trong nhiệm vụ bao gồm: chủ nhiệm nhiệm vụ; thư ký khoa học; thành viên chính; thành viên; kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ.

3. *Nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ* (sau đây viết tắt là nhóm chức danh) là tập hợp các cá nhân có cùng chức danh theo quy định tại khoản 2 Điều này để thực hiện nội dung nghiên cứu trong nhiệm vụ.

4. *Chuyên gia trong nước, chuyên gia ngoài nước phối hợp nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ* là người có trình độ từ đại học trở lên, có tối thiểu 5 năm kinh nghiệm nghiên cứu hoặc làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với công việc cần thực hiện trong nhiệm vụ.

5. *Chuyên gia tư vấn độc lập* là người có trình độ từ đại học trở lên, có năng lực và tối thiểu 5 năm kinh nghiệm nghiên cứu hoặc làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với công việc cơ quan quản lý nhiệm vụ yêu cầu thực hiện. Đối với nhiệm vụ cấp quốc gia, chuyên gia tư vấn độc lập phải thuộc cơ sở dữ liệu chuyên gia khoa học và công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý.

6. *Tổ chức tư vấn độc lập* là đơn vị có chức năng chuyên môn phù hợp được cơ quan quản lý nhiệm vụ thuê để đánh giá, kiểm tra chất lượng sản phẩm đối với các nhiệm vụ có sản phẩm trung gian hoặc sản phẩm là các mô hình, thiết bị cụ thể, sản phẩm cần đo kiểm.

7. *Phê duyệt nhiệm vụ* quy định tại Điều 13 Quy định này là việc cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ để đưa ra tuyển chọn hoặc giao trực tiếp.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ ĐỊNH MỨC XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC

Điều 4. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học

1. Tiền thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, gồm: tiền thù lao cho các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học; tiền công lao động phổ thông hỗ trợ

các công việc trong nội dung nghiên cứu; tiền thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp trong quá trình nghiên cứu và thực hiện nhiệm vụ khoa học.

Chi mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, mẫu vật, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sở hữu và sử dụng đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ phục vụ hoạt động nghiên cứu.

2. Chi sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học của nhiệm vụ khoa học.

3. Chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu.

4. Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu.

5. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu.

6. Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ hoạt động nghiên cứu.

7. Chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học (nếu có).

8. Chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học nhằm đảm bảo yêu cầu quản lý trong triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học.

9. Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học.

Điều 5. Chức danh thực hiện nhiệm vụ

1. Chủ nhiệm nhiệm vụ

a) Chủ nhiệm nhiệm vụ là người chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhiệm vụ trong việc: xây dựng thuyết minh nhiệm vụ; quản lý chung, phân công, điều phối việc thực hiện toàn bộ nội dung nghiên cứu trong nhiệm vụ; đánh giá kết quả thực hiện các nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ; xây dựng báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhiệm vụ, báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ.

b) Chủ nhiệm nhiệm vụ phải đáp ứng các điều kiện đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

c) Mỗi nhiệm vụ chỉ có một chủ nhiệm nhiệm vụ.

2. Thư ký khoa học

a) Thư ký khoa học là người hỗ trợ chủ nhiệm nhiệm vụ quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bao gồm việc: hỗ trợ theo dõi đôn đốc tiến độ triển khai nhiệm vụ; hỗ trợ xây dựng các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhiệm vụ, báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; hỗ trợ công tác thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ và các công việc hỗ trợ khác theo phân công của chủ nhiệm nhiệm vụ.

b) Mỗi nhiệm vụ chỉ có một thư ký khoa học.

3. Thành viên chính

a) Thành viên chính là cá nhân được chủ nhiệm nhiệm vụ phân công chịu trách nhiệm thực hiện đối với từng nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ.

b) Trong một nhiệm vụ có nhiều nội dung nghiên cứu. Mỗi nội dung được chủ trì thực hiện bởi tối đa một thành viên chính.

4. Thành viên

Thành viên thực hiện nhiệm vụ là cá nhân được chủ nhiệm nhiệm vụ phân công tham gia thực hiện các công việc cụ thể trong nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ.

5. Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ (không bao gồm lao động phổ thông)

Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ là người được chủ nhiệm nhiệm vụ bố trí thực hiện các thao tác kỹ thuật hoặc hoạt động hỗ trợ nghiên cứu để phục vụ thực hiện các công việc cụ thể trong nội dung nghiên cứu theo thuyết minh nhiệm vụ.

Việc lập dự toán chi tiết thù lao cho các chức danh phải gắn với các nội dung nghiên cứu và các công việc cụ thể trong thuyết minh nhiệm vụ theo quy định hiện hành.

Điều 6. Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học

1. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học

a) Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học tối đa không quá 40 triệu đồng/người/tháng; đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao tối đa không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ.

Thời gian để xác định dự toán chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học là thời gian quy đổi theo tháng dự kiến của một chức danh hoặc một nhóm chức danh thực hiện các nội dung công việc nêu trong thuyết minh nhiệm vụ khoa học, được Hội đồng khoa học (Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học, Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học) xem xét và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học quyết định. Trong trường hợp thời gian tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học không đủ một tháng, dự toán chi thù lao được tính theo mức thù lao của số ngày tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học của chức danh hoặc nhóm chức danh tương ứng. Mức thù lao ngày được tính trên cơ sở mức thù lao của một tháng chia cho 22 ngày.

b) Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có): Dự toán chi tiền công thuê lao động phổ thông được tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương tháng chia cho 22 ngày).

c) Định mức chi thù lao, hệ số lao động khoa học và số tháng quy đổi cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và chi tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này là căn cứ để xây dựng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ. Trên cơ sở dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ được duyệt, đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học quyết định mức thanh toán tiền thù lao của các nhóm chức danh tham gia nhiệm vụ khoa học và tiền công thuê lao động phổ thông (nếu có) phù hợp với thực tế triển khai thực hiện nhiệm vụ.

2. Hệ số lao động khoa học của các chức danh

a) Hệ số lao động khoa học của các chức danh như sau:

Số TT	Chức danh (CD)	Hệ số lao động khoa học (H_{CD})			
		Nhiệm vụ khoa học cấp quốc gia	Nhiệm vụ khoa học cấp bộ trọng điểm	Nhiệm vụ khoa học cấp bộ, nhiệm vụ khoa học do Giám đốc Học viện giao và tương đương	Nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở
1.	Chủ nhiệm nhiệm vụ	1,0	0,6 - 0,8	0,4	0,17
2.	Thư ký khoa học	0,3	0,18 - 0,24	0,12	0,04
3.	Thành viên chính	0,8	0,48 - 0,64	0,32	0,14
4.	Thành viên	0,4	0,24 - 0,32	0,16	0,06
5.	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,2	0,12 - 0,16	0,08	0,03

b) Một cá nhân có thể tham gia nhiều nội dung, công việc nghiên cứu với các chức danh khác nhau. Thù lao của cá nhân trong nội dung, công việc nghiên cứu được tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh tương ứng và thời gian cá nhân thực hiện nội dung, công việc nghiên cứu đó.

3. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ

a) Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ được lập theo nội dung, công việc nghiên cứu và theo chức danh (đối với chủ nhiệm nhiệm vụ; thư ký khoa học) hoặc nhóm chức danh (đối với thành viên chính; thành viên; kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ).

b) Dự toán chi thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ để thực hiện các công việc quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Quy định này được tính theo công thức sau:

$$TL_{CN} = H_{CDCN} \times 40.000.000 \text{ đồng} \times 20\% \times T$$

Trong đó:

TL_{CN} : Thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ;

H_{CDCN} : Hệ số lao động khoa học của chủ nhiệm nhiệm vụ;

T: Tổng thời gian thực hiện nhiệm vụ (tháng).

c) Dự toán chi thù lao của thư ký khoa học để thực hiện các công việc quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Quy định này được tính theo công thức sau:

$$TL_{TK} = H_{CDTK} \times 40.000.000 \text{ đồng} \times 20\% \times T$$

Trong đó:

TL_{TK} : Thù lao của thư ký khoa học;

H_{CDTK} : Hệ số lao động khoa học của thư ký nhiệm vụ;

T: Tổng thời gian thực hiện nhiệm vụ (tháng).

d) Dự toán chi thù lao của nhóm chức danh được tính theo công thức sau:

$$TL_{NCD} = H_{CD} \times 40.000.000 \text{ đồng} \times \Sigma t_{NCD}$$

Trong đó:

TL_{NCD} : Tổng thù lao của nhóm chức danh quy định tại khoản 1 Điều này;

H_{CD} : Hệ số lao động khoa học của chức danh quy định tại điểm a khoản 2

Điều này.

Σt_{NCD} : Tổng số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ của nhóm chức danh.

e) Dự toán chi thù lao của nhóm chức danh cho số ngày quy đổi không đủ tháng được tính theo công thức sau:

$$TL_{NCD} = H_{CD} \times 40.000.000 \text{ đồng} \times (\Sigma t_n / 22)$$

Trong đó:

TL_{NCD} : Tổng thù lao của nhóm chức danh quy định tại khoản 1 Điều này;

H_{CD} : Hệ số lao động khoa học của chức danh quy định tại điểm a khoản 2

Điều này.

Σt_n : Tổng số ngày quy đổi không đủ tháng mà nhóm chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ ($t_n < 22$).

4. Dự toán thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu

a) Thuê chuyên gia trong nước

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia để thuyết minh rõ cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung công việc và dự toán thuê chuyên gia. Căn cứ lập dự toán chi thuê chuyên gia trong nước thực hiện theo mức lương quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước.

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học quy định tại khoản 1, Điều 6 Quy định này.

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy định này, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học phải giải trình cụ thể lý do để cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học có sử dụng ngân sách nhà nước xem xét, quyết định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

b) Thuê chuyên gia ngoài nước

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học có nhu cầu thuê chuyên gia ngoài nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thuyết minh rõ sự cần thiết, kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo biên bản thương thảo nội dung yêu cầu công việc và mức thù lao chuyên gia giữa tổ chức đăng ký chủ trì và chuyên gia ngoài nước. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy định này.

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung thuê chuyên gia ngoài nước vượt quá 50% tổng dự toán kinh phí chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy định này, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học phải giải trình cụ thể lý do để Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh/ Thủ trưởng đơn vị trực thuộc xem xét, quyết định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

c) Việc xác định các trường hợp áp dụng dự toán thuê chuyên gia vượt mức quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều này thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

5. Dự toán chi mua vật tư, nguyên liệu, vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có). Việc mua sắm phải phù hợp với tiến độ của nhiệm vụ khoa học trong phạm vi dự toán hàng năm. Trong đó:

a) Việc quản lý và sử dụng kinh phí mua sắm thực hiện theo quy định của pháp luật về mua sắm tài sản từ ngân sách nhà nước và pháp luật về đấu thầu; thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

b) Việc quản lý, thanh toán kinh phí thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phục vụ nhiệm vụ khoa học thực hiện theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.

6. Dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu: Thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước;

Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí. Ngoài ra, Quy định này quy định mức xây dựng dự toán chi thù lao tối đa tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học cấp quốc tế, quốc gia	Hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học cấp Học viện và tương đương	Hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học cấp cơ sở
1.	Chủ trì	Người/buổi	2.000	1.500	1.000
2.	Thư ký	Người/buổi	500	350	250
3.	Báo cáo trình bày	Báo cáo	3.000	2.500	1.500
4.	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày	Báo cáo	1.500	1.300	1.000
5.	Thành viên tham dự	Người/buổi	300	250	200
6.	Biên tập, thẩm định báo cáo, tham luận khoa học	Báo cáo	300	200	100
7.	Phục vụ hội trường	Người/buổi	200	150	100

7. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia và Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính.

8. Dự toán chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học (nếu có) được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Quy định này.

9. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học để đảm bảo triển khai nhiệm vụ khoa học tại tổ chức chủ trì. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm

vụ khoa học bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 300 triệu đồng/nhiệm vụ. Nội dung và định mức chi do Giám đốc Học viện quyết định.

10. Các khoản chi khác liên quan đến triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học (nếu có): Thực hiện dự toán theo Thuyết minh hoặc theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

Điều 7. Các nội dung chi cho công tác quản lý nhiệm vụ khoa học

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học, Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học, Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả nhiệm vụ khoa học và các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có), bao gồm các nội dung chi như sau:

a) Chi tiền thù lao, công tác phí cho các thành viên Hội đồng;

b) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc phục vụ Hội đồng;

c) Chi hậu cần phục vụ họp Hội đồng; liên hệ Hội đồng; thuê dịch vụ khoa học liên quan đến việc đánh giá của Hội đồng, thuê cơ sở vật chất phục vụ Hội đồng, (nếu có).

2. Chi hoạt động của Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học được thành lập theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Chi thù lao, công tác phí của chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật, hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng (nếu có).

4. Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có).

5. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông.

6. Chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, bao gồm:

a) Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra;

b) Chi họp hội đồng đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học (trong trường hợp cần thiết cần có Hội đồng đánh giá).

7. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học.

Điều 8. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học

a) Chi tiền thù lao

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa nhiệm vụ khoa học cấp quốc gia	Khung định mức chi tối đa nhiệm vụ khoa học cấp bộ trọng điểm	Khung định mức chi tối đa nhiệm vụ khoa học cấp bộ, nhiệm vụ khoa học do Giám đốc Học viện giao và trưng dương	Khung định mức chi tối đa nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học					
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học	Hội đồng				
	Chủ tịch hội đồng		1.500	1.200	900	600
	Phó Chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		1.000	800	600	400
	Thư ký khoa học		300	300	250	200
	Thư ký hành chính		300	300	250	200
	Đại biểu được mời tham dự		200	200	150	100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá				
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		500	400	300	200
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700	550	450	300
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ				
	Chủ tịch hội đồng		700	550	450	300
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		500	400	300	200
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học					
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học	Hội đồng				
	Chủ tịch hội đồng		1.800	1.500	1.000	700
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		1.500	1.200	900	600

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa nhiệm vụ khoa học cấp quốc gia	Khung định mức chi tối đa nhiệm vụ khoa học cấp bộ trọng điểm	Khung định mức chi tối đa nhiệm vụ khoa học cấp bộ, nhiệm vụ khoa học do Giám đốc Học viện giao và tương đương	Khung định mức chi tối đa nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở
	Thư ký khoa học		300	300	250	200
	Thư ký hành chính		300	300	250	200
	Đại biểu được mời tham dự		200	200	150	100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá				
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		700	550	450	300
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		1.000	800	600	400
3	Chi thù lao chuyên gia thẩm định nội dung trước, sau nghiệm thu (không quá 5 chuyên gia cho 01 đề tài, nhiệm vụ khoa học) (nếu có)	01 phiếu nhận xét đánh giá	1.500	1.200	1.000	600
4	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học					
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ				
	Chủ tịch hội đồng		1.800	1.500	1.000	700
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		1.500	1.200	900	600
	Thư ký khoa học		300	300	250	200
	Thư ký hành chính		300	300	250	200
	Đại biểu được mời tham dự		200	200	200	150
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá				
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		700	550	450	300
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		1.000	800	600	400

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa nhiệm vụ khoa học cấp quốc gia	Khung định mức chi tối đa nhiệm vụ khoa học cấp bộ trọng điểm	Khung định mức chi tối đa nhiệm vụ khoa học cấp bộ, nhiệm vụ khoa học do Giám đốc Học viện giao và tương đương	Khung định mức chi tối đa nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở
5	Chi thù lao liên hệ, gửi tài liệu cho Hội đồng	Hội đồng	500	400	300	200
6	Chi thù lao phục vụ hoạt động của Hội đồng	Người/Hội đồng	150	150	100	100

b) Dự toán chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

c) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật (nếu có).

2. Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa nhiệm vụ khoa học cấp quốc gia	Khung định mức chi tối đa nhiệm vụ khoa học cấp bộ trọng điểm	Khung định mức chi tối đa nhiệm vụ khoa học cấp bộ, nhiệm vụ khoa học do Giám đốc giao và tương đương	Khung định mức chi tối đa nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	1.000	800	600	400
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	700	550	450	300
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	300	300	250	200
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	200	200	150	100
5	Liên hệ, gửi tài liệu cho tổ thẩm định	Nhiệm vụ	250	250	200	150
6	Phục vụ hoạt động của tổ thẩm định	Nhiệm vụ	150	150	100	100

2. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập; chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông; chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ; chi đối với các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia có thành lập các Ban Chủ nhiệm chương trình theo Quyết định của Bộ Khoa học và Công nghệ: thực hiện theo khoản 3, 4, 5, 6, 7 Điều 6 Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

Chương III

LẬP DỰ TOÁN, QUẢN LÝ SỬ DỤNG VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC

Điều 9. Lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước về khoa học

1. Đối với dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học.

a) Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học được xây dựng, thuyết minh theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và căn cứ vào các định mức kinh tế - kỹ thuật do các bộ, ngành chức năng ban hành (nếu có), định mức xây dựng dự toán quy định tại Quy định này và các chế độ, chính sách hiện hành của nhà nước. Trường hợp không có định mức kinh tế - kỹ thuật thì cần thuyết minh cụ thể chi tiết căn cứ lập dự toán.

b) Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng dự toán trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt nhiệm vụ khoa học.

c) Hằng năm, vào thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước, các tổ chức, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ khoa học căn cứ vào các nhiệm vụ được phê duyệt để lập dự toán kinh phí, tổng hợp chung vào dự toán chi sự nghiệp khoa học của Học viện để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

2. Đối với dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ khoa học.

Hằng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước theo quy định, căn cứ vào kế hoạch hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học của năm kế hoạch và định mức chi tại Quy định này, các đơn vị xây dựng dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và tổng hợp

vào dự toán chi sự nghiệp khoa học của Học viện đề trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về khoa học.

Điều 10. Phân bổ dự toán, quản lý sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học

1. Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh/ Thủ trưởng đơn vị trực thuộc phê duyệt nhiệm vụ khoa học chịu trách nhiệm tổ chức việc thẩm định dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học theo đúng chế độ quy định.

2. Căn cứ vào dự toán chi sự nghiệp khoa học được cơ quan có thẩm quyền giao, Giám đốc Học viện quyết định phân bổ dự toán cho các đơn vị trực thuộc quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về khoa học.

Đối với các nhiệm vụ khoa học sử dụng ngân sách nhà nước có huy động các nguồn tài chính khác ngoài ngân sách để thực hiện, việc phân bổ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ khoa học căn cứ theo cơ cấu tỷ lệ với các nguồn kinh phí huy động khác ngoài ngân sách theo nhiệm vụ được phê duyệt và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước hằng năm.

Đối với các nhiệm vụ khoa học các đơn vị trực thuộc sử dụng từ nguồn quỹ hợp pháp của đơn vị, các đơn vị có trách nhiệm báo cáo Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (qua Vụ Quản lý khoa học) để xem xét và phê duyệt nhiệm vụ.

3. Các đơn vị, tổ chức được giao kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học có trách nhiệm quản lý và sử dụng kinh phí được giao theo đúng quy định của pháp luật.

4. Việc chuyển nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học sử dụng ngân sách nhà nước trong thời gian thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Điều 11. Quyết toán kinh phí nhiệm vụ khoa học

Việc quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học có sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán, Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ quy định tại Quy định này và các quy định hiện hành của pháp luật, Học viện chịu trách nhiệm phê duyệt danh mục và kinh phí thực hiện nhiệm

vụ khoa học thuộc phạm vi quản lý của Học viện theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.

2. Cơ quan quản lý khoa học, cơ quan quản lý tài chính và các đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ khoa học đảm bảo đúng mục đích, đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu hiện hành và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Các loại nhiệm vụ khoa học có sử dụng ngân sách nhà nước, các nguồn kinh phí, nguồn quỹ hợp pháp khác của đơn vị (không phải nguồn hoạt động khoa học) do Học viện là cơ quan chủ trì có thể tham chiếu vận dụng định mức chi theo Quy định này.

4. Vụ Quản lý khoa học phối hợp với các đơn vị trực thuộc Học viện hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy định này.

Điều 13. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với nhiệm vụ khoa học cấp Quốc gia: các nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ trước ngày Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

2. Đối với nhiệm vụ khoa học khác: các nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 5256/QĐ-HVCTQG ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc Quy định về một số định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học có sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị, cá nhân phản ánh về Giám đốc Học viện (qua Vụ Quản lý khoa học) để kịp thời xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.